

PHÒNG
KIỂM THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nghiệp vụ quản lý kho hàng - MH1104239

Giám thị 1: Lê Trung San

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24211MH110423901 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh

Giám thị 3: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ký tên: 

Ngày thi: 03/04/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310150019	Lê Trường An	28/08/2005		1	6	Cầu	C25LG1	
2	2310150028	Nguyễn Gia Bảo	18/12/2005		1	8	tám	C25LG1	
3	2310150055	Trần Elaniria Christian Bernard	05/03/2005		1	7,5	bảy, năm	C25LG2	
4	2310150025	Y- Bing	20/05/2003		1	7	bảy	C25LG1	
5	2310150012	Nguyễn Dương Chí Cường	07/10/2005		1	9	chín	C25LG1	
6	2310150031	Nguyễn Phước Danh	31/05/2005		1	7	bảy	C25LG1	
7	2310150041	Nguyễn Võ Thành Danh	20/4/2005		1	8	tám	C25LG2	
8	2310150026	Nguyễn Đình Dương	09/11/2005		1	7,5	bảy, năm	C25LG1	
9	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004		1	5	năm	C25LG2	
10	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002		1	6	Cầu	C25LG2	
11	2310150040	Lâm Ngọc Hân	20/11/2005		1	8,5	tám, năm	C25LG2	
12	2310150024	Nguyễn Gia Huy	06/04/2005		1	8,8	tám, tám	C25LG1	
13	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004		1	3,3	ba, ba	C25LG1	
14	2310150038	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005		1	8,5	tám, năm	C25LG2	
15	2310150013	Trần Gia Huy	26/03/2005		1	9	chín	C25LG1	
16	2310150002	Đinh Thị Tuyết Hương	06/10/2000		1	8	tám	C25LG1	
17	2310150001	Lê Thị Mỹ Hương	22/08/1997		1	5,8	năm, tám	C25LG1	
18	2310150015	Nguyễn Thúy Linh	03/03/2005		1	6,3	Sáu, ba	C25LG1	
19	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005		1	9	chín	C25LG1	
20	2310160017	Trần Lan Thúy My	01/05/2005		1	9	chín	C25LG2	
21	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005		1	5	năm	C25LG1	
22	2310150050	Hà Bảo Uyên Nghi	24/07/2005		1	9,5	chín, năm	C25LG2	
23	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002		1	4,5	bốn, năm	C25LG1	
24	2310150020	Thạch Phương Nhi	01/04/2005		1	6	Sáu	C25LG1	
25	2310150033	Cao Thị Huỳnh Như	08/03/2005		1	8,5	tám, năm	C25LG1	
26	2310150021	Huỳnh Thị Tâm Như	05/12/2005		1	8	tám	C25LG1	
27	2310150022	Lê Minh Nhựt	24/01/2005		1	8,5	tám, năm	C25LG1	
28	2310150032	Cao Thiên Phúc	05/04/2005		1	7	bảy	C25LG1	
29	2310150047	Đỗ Uyên Phương	13/07/2005		1	9	chín	C25LG2	
30	2310150039	Trần Hữu Quý	24/04/2005		1	6,5	Sáu, năm	C25LG2	
31	2310150037	Huỳnh Thị Kim Thanh	12/10/2005		1	9	chín	C25LG2	
32	2310150011	Nguyễn Ngọc Thiện	01/12/2005		1	7,8	bảy, tám	C25LG1	
33	2310150046	Nguyễn Hoàng Thuận	24/05/2005		1	7	bảy	C25LG2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2310150043	Lê Thái Minh	14/10/2005		1	8,5	tám, năm	C25LG2	
35	2310150045	Lê Thị Cẩm	22/06/2005		1	7,5	bảy, năm	C25LG2	
36	2310150014	Nguyễn Thị Thanh	26/05/2005		1	7	bảy	C25LG1	
37	2310150042	Nguyễn Cẩm	30/10/2005		1	8	tám	C25LG2	
38	2310150054	Nguyễn Thị Ngọc	26/08/2004		1	8	tám	C25LG2	
39	2310150009	Nguyễn Mẫn	15/07/2005		1	8,5	tám, năm	C25LG1	
40	2310150010	Phạm Ngọc Thảo	03/10/2004		1	6,5	sáu, năm	C25LG1	
41	2310150004	Nguyễn Hồng	06/11/2005		1	6	sáu	C25LG1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 41 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 41 / 41.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____%

Ngày: 17 tháng 4 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Đến Thi Học

Ngày: 10 tháng 4 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Nguyễn Hoài Linh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nghiệp vụ quản lý kho hàng - MH1104239

Mã lớp học phần: 24211MH110423901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 4/12/2025 Giờ thi: 16h Phòng thi: A17

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150019	Lê Trường An	28/08/2005	C25LG1		7.5	bảy, năm	
2	2310150028	Nguyễn Gia Bảo	18/12/2005	C25LG1		8.3	tám, ba	
3	2310150025	Y- Bing	20/05/2003	C25LG1		6.5	sáu, năm	
4	2310150012	Nguyễn Dương Chí Cường	07/10/2005	C25LG1		8.3	tám, ba	
5	2310150031	Nguyễn Phước Danh	31/05/2005	C25LG1		7	bảy	
6	2310150026	Nguyễn Đình Dương	09/11/2005	C25LG1		7.8	bảy, tám	
7	2310150024	Nguyễn Gia Huy	06/04/2005	C25LG1		9	chín	
8	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004	C25LG1		5	năm	
9	2310150013	Trần Gia Huy	26/03/2005	C25LG1		8.8	tám, tám	
10	2310150002	Đinh Thị Tuyết Hương	06/10/2000	C25LG1		10	mười	
11	2310150001	Lê Thị Mỹ Hương	22/08/1997	C25LG1		7.5	bảy, năm	
12	2310150015	Nguyễn Thúy Linh	03/03/2005	C25LG1		10	mười	
13	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005	C25LG1		10	mười	
14	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005	C25LG1		8.5	tám, năm	
15	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002	C25LG1		6.3	sáu, ba	
16	2310150020	Thạch Phương Nhi	01/04/2005	C25LG1		6.5	sáu, năm	
17	2310150033	Cao Thị Huỳnh Như	08/03/2005	C25LG1		8.8	tám, tám	
18	2310150021	Huỳnh Thị Tâm Như	05/12/2005	C25LG1		7.5	bảy, năm	
19	2310150022	Lê Minh Nhật	24/01/2005	C25LG1		10	mười	
20	2310150032	Cao Thiên Phúc	05/04/2005	C25LG1		9	chín	
21	2310150011	Nguyễn Ngọc Thiện	01/12/2005	C25LG1		9.5	chín, năm	
22	2310150014	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/05/2005	C25LG1		8.3	tám, ba	
23	2310150009	Nguyễn Mẫn Vinh	15/07/2005	C25LG1		9.8	chín, tám	
24	2310150010	Phạm Ngọc Thảo Vy	03/10/2004	C25LG1		6	sáu	
25	2310150004	Nguyễn Hồng Yến	06/11/2005	C25LG1		9.3	chín, ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 0. Số bài thi: 15 / 25.

Ngày: 19 tháng 2 năm 2025

Ngày: 18 tháng 2 năm 2025

1-TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

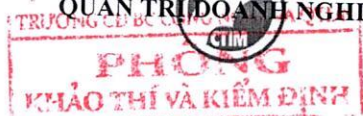
(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa


Hoàng Nguyễn Hải Linh





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nghiệp vụ quản lý kho hàng - MH1104239

Mã lớp học phần: 24211MH110423901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 17/11/2025 Giờ thi: 14h Phòng thi: A16

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150019	Lê Trường An	28/08/2005	C25LG1		7	bảy	
2	2310150028	Nguyễn Gia Bảo	18/12/2005	C25LG1		7	bảy	
3	2310150025	Y. Bing	20/05/2003	C25LG1		7.5	bảy, năm	
4	2310150012	Nguyễn Dương Chí Cường	07/10/2005	C25LG1		8.5	tám, năm	
5	2310150031	Nguyễn Phước Danh	31/05/2005	C25LG1		8.5	tám, năm	
6	2310150026	Nguyễn Đình Dương	09/11/2005	C25LG1		7	bảy	
7	2310150024	Nguyễn Gia Huy	06/04/2005	C25LG1		8.3	tám, ba	
8	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004	C25LG1		5	năm	
9	2310150013	Trần Gia Huy	26/03/2005	C25LG1		7	bảy	
10	2310150002	Đinh Thị Tuyết Hương	06/10/2000	C25LG1		7.3	bảy, ba	
11	2310150001	Lê Thị Mỹ Hương	22/08/1997	C25LG1		7.5	bảy, năm	
12	2310150015	Nguyễn Thúy Linh	03/03/2005	C25LG1		8.5	tám, năm	
13	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005	C25LG1		8.5	tám, năm	
14	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005	C25LG1		7.5	bảy, năm	
15	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002	C25LG1		7.8	bảy, tám	
16	2310150020	Thạch Phương Nhi	01/04/2005	C25LG1		7.5	bảy, năm	
17	2310150033	Cao Thị Huỳnh Như	08/03/2005	C25LG1		7.8	bảy, tám	
18	2310150021	Huỳnh Thị Tâm Như	05/12/2005	C25LG1		7.8	bảy, tám	
19	2310150022	Lê Minh Nhựt	24/01/2005	C25LG1		8.3	tám, ba	
20	2310150032	Cao Thiên Phúc	05/04/2005	C25LG1		7	bảy	
21	2310150011	Nguyễn Ngọc Thiện	01/12/2005	C25LG1		8.3	tám, ba	
22	2310150014	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/05/2005	C25LG1		8	tám	
23	2310150009	Nguyễn Mẫn Vinh	15/07/2005	C25LG1		7.5	bảy, năm	
24	2310150010	Phạm Ngọc Thảo Vy	03/10/2004	C25LG1		7.5	bảy, năm	
25	2310150004	Nguyễn Hồng Yến	06/11/2005	C25LG1		7.8	bảy, tám	

- Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 0. Số bài thi: 25 / 25.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lương Nguyễn Hoàng Linh

TRƯ

KI



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nghiệp vụ quản lý kho hàng - MH1104239

Mã lớp học phần: 24211MH110423901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 18/12/2025 Giờ thi: 16h Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150055	Trần Elaniria Christian Bernard	05/03/2005	C25LG2		6.5	Sáu, năm	
2	2310150041	Nguyễn Võ Thành Danh	20/4/2005	C25LG2		8.8	Tám, tám	
3	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	C25LG2		8.0	Tám	
4	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002	C25LG2		7.5	Bảy, năm	
5	2310150040	Lâm Ngọc Hân	20/11/2005	C25LG2		9	Chín	
6	2310150038	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	C25LG2		9.3	Chín, ba	
7	2310150052	Nguyễn Dương Minh	28/08/2005	C25LG2				
8	2310160017	Trần Lan Thúy My	01/05/2005	C25LG2		8	Tám	
9	2310150050	Hà Bảo Uyên Nghi	24/07/2005	C25LG2		9.5	Chín, năm	
10	2310150047	Đỗ Uyên Phương	13/07/2005	C25LG2		7.8	Bảy, tám	
11	2310150039	Trần Hữu Quý	24/04/2005	C25LG2		8	Tám	
12	2310150037	Huỳnh Thị Kim Thanh	12/10/2005	C25LG2		7	Bảy	
13	2310150046	Nguyễn Hoàng Thuận	24/05/2005	C25LG2		10	Mười	
14	2310150043	Lê Thái Minh Thư	14/10/2005	C25LG2		7	Bảy	
15	2310150045	Lê Thị Cẩm Tiên	22/06/2005	C25LG2		8.3	Tám, ba	
16	2310150042	Nguyễn Cẩm Tự	30/10/2005	C25LG2		9.3	Chín, ba	
17	2310150054	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	26/08/2004	C25LG2		10	Mười	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 1. Số bài thi: 16 / 17.

Ngày 19 tháng 2 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 18 tháng 2 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Nguyễn Hoài Linh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nghiệp vụ quản lý kho hàng - MH1104239

Mã lớp học phần: 24211MH110423901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 17/7/2025 Giờ thi: 14h Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150055	Trần Elaniria Christian Bernard	05/03/2005	C25LG2		8.5	tám, năm	
2	2310150041	Nguyễn Võ Thành Danh	20/4/2005	C25LG2		8.5	tám, năm	
3	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	C25LG2		8	tám	
4	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002	C25LG2		8.3	tám, ba	
5	2310150040	Lâm Ngọc Hân	20/11/2005	C25LG2		7.5	bảy, năm	
6	2310150038	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	C25LG2		8.3	tám, ba	
7	2310150052	Nguyễn Dương Minh	28/08/2005	C25LG2				
8	2310160017	Trần Lan Thủy My	01/05/2005	C25LG2		7.8	bảy, tám	
9	2310150050	Hà Bảo Uyên Nghi	24/07/2005	C25LG2		7.8	bảy, tám	
10	2310150047	Đỗ Uyên Phương	13/07/2005	C25LG2		7.8	bảy, tám	
11	2310150039	Trần Hữu Quý	24/04/2005	C25LG2		7	bảy	
12	2310150037	Huỳnh Thị Kim Thanh	12/10/2005	C25LG2		7.5	bảy, năm	
13	2310150046	Nguyễn Hoàng Thuận	24/05/2005	C25LG2		9.3	chín, ba	
14	2310150043	Lê Thái Minh Thư	14/10/2005	C25LG2		7.5	bảy, năm	
15	2310150045	Lê Thị Cẩm Tiên	22/06/2005	C25LG2		8.3	tám, ba	
16	2310150042	Nguyễn Cẩm Tự	30/10/2005	C25LG2		8	tám	
17	2310150054	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	26/08/2004	C25LG2		9	chín	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 1. Số bài thi: 16 / 17.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 17 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Nguyễn Hoài Linh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nghiệp vụ quản lý kho hàng - MH1104239

Mã lớp học phần: 24211MH110423901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 18/12/2025 Giờ thi: 16h Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150051	Mai Vũ Phong	18/09/2002	C25LG2				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 0 vắng thi: 1 . Số bài thi: 0 / 4 .

Ngày: 18 tháng 2 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Mai Vũ Phong

Ngày: 18 tháng 2 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lương Nguyễn Hoài Linh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nghiệp vụ quản lý kho hàng - MH1104239

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110423901 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 17/3/2025 Giờ thi: 16h Phòng thi: A16

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150051	Mai Vũ Phong	18/09/2002	C25LG2				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 0 vắng thi: 1 . Số bài thi: 0 / 1 / 1 .

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lương Nguyễn Hoài Linh